

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 25-9-2020  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Diệu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Khúc Thị Minh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Vũ Thị Ngọc H, sinh năm 1991. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 5, thôn H, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Khu 11, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt tại phiên tòa.

***- Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Đội 5, thôn H, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn ngày 24 tháng 7 năm 2020 và các bản khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Vũ Thị Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn T tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K vào ngày 18 tháng 6 năm 2013 (Giấy chứng

nhận kết hôn số 42). Giữa năm 2016, anh chị phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh T lười lao động, ham chơi bởi cờ bạc, không quan tâm đến mẹ con chị, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, nên chị phải mang con về nhà mẹ đẻ ở từ cuối năm 2016 đến nay, không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con là Nguyễn Gia H1, sinh ngày 11/11/2013; Nguyễn Gia L, sinh ngày 06/12/2015, hiện đang do chị nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo lời trình bày và yêu cầu của chị H; Tòa án đã xác minh, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với anh T nhưng anh T không đến Tòa án để trình bày lời khai; tham gia hòa giải; từ chối khai báo, vắng mặt không có lý do chính đáng. Sau đó Tòa án cùng chính quyền địa phương đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đối với anh T nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên toàn bộ nội dung, yêu cầu nêu trên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Ngọc H, cho chị Vũ Thị Ngọc H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 11/11/2013 và cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 06/12/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### ***- Về tố tụng:***

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K từ năm 2013. Quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn, nên chị H gửi đơn xin ly hôn anh T và yêu cầu giải quyết về nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện K; căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là quan hệ pháp luật về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Do anh T (là bị đơn) cư trú tại thôn H, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn: Anh T (là bị đơn) vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

#### ***- Về nội dung:***

[[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã T cung cấp thì hôn nhân của chị Vũ Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh T ham chơi cờ bạc, không quan tâm đến mẹ con chị H, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, chị H đã mang con về nhà mẹ đẻ ở từ cuối năm 2016 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống gia đình. Do đó đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Như vậy yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ chấp nhận, nên xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Xét về điều kiện nuôi con chung: Nguyên vọng của chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 11/11/2013 và cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 06/12/2015; không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của chị H, ý kiến đại diện hai bên gia đình chị H, anh T cũng như chính quyền xã T và chính quyền phường Đồng Đa cung cấp thì chị H làm nghề công nhân, thu nhập trung bình từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng/tháng, có chỗ ở ổn định cùng bố mẹ đẻ chị H; hiện tại chị H đang nuôi dưỡng các cháu rất tốt, đảm bảo cuộc sống cho các cháu. Do đó cần giao hai cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo của địa phương nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Ngọc H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 11/11/2013 và cháu Nguyễn Gia L, sinh ngày 06/12/2015 cho chị Vũ Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi; hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0008950 ngày 03 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị H đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Ngọc H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Diệu**